

**PHỤ LỤC SỐ VỐN ỨNG QUÁ HẠN HOÀN TRẢ CỦA CÁC ĐƠN VỊ**

(Kèm theo Công văn số 2200/UBND-KTTH ngày 15/9/2024 của UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

ST T	Đơn vị	Số vốn quá hạn báo cáo tại Phiên họp ngày 03/10/2023	Số vốn đã thu hồi đến ngày 20/9/2024	Số vốn còn lại chưa thu hồi	Số quá hạn phát sinh sau phiên họp ngày 03/10/2023	Tổng số quá hạn đến ngày 20/9/2024	Thời gian ứng vốn	Thời hạn hoàn trả vốn ứng	Thời hạn hoàn trả vốn ứng được gia hạn	Ghi chú
A	B	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)	(5)=(3)+(4)				
A	Các dự án do tỉnh quản lý	52,425,385,752	-	52,425,385,752	25,563,505,000	77,988,890,752				
I	Thành phố Pleiku	8,030,244,000	-	8,030,244,000	25,563,505,000	33,593,749,000				
1	Chợ đầu mối	2,128,176,000		2,128,176,000		2,128,176,000	06/02/2020	06/02/2021		
		42,563,000		42,563,000		42,563,000	27/4/2020	27/4/2021		
2	Khu dân cư Hội Phú	2,750,369,000		2,750,369,000		2,750,369,000	31/12/2021	31/12/2022		
					5,581,467,000	5,581,467,000	14/4/2023	31/12/2023		
					4,710,787,000	4,710,787,000	5/5/2022	5/5/2024		
3	Khu tái định cư xã Trà Đa	3,109,136,000		3,109,136,000		3,109,136,000	31/12/2021	31/12/2022		
4	Trung tâm thương mại Pleiku	-		-	484,017,000	484,017,000	14/04/2023	31/12/2023		
5	Khu dân cư Trà đa (giai đoạn 2)				14,787,234,000	14,787,234,000	23/6/2022	23/6/2024		
II	Huyện Đak Đoa	19,395,141,752	-	19,395,141,752	-	19,395,141,752				
1	Dự án Đường vào khu biệt thự, sân Golf	3,618,378,752		3,618,378,752		3,618,378,752	8/11/2019	8/11/2020		
		12,344,004,000		12,344,004,000		12,344,004,000	15/11/2019	15/11/2020		
2	Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu chức năng Đak Đoa	3,074,066,000		3,074,066,000		3,074,066,000	24/07/2020	24/07/2021		

ST T	Đơn vị	Số vốn quá hạn báo cáo tại Phiên họp ngày 03/10/2023	Số vốn đã thu hồi đến ngày 20/9/2024	Số vốn còn lại chưa thu hồi	Số quá hạn phát sinh sau phiên họp ngày 03/10/2023	Tổng số quá hạn đến ngày 20/9/2024	Thời gian ứng vốn	Thời hạn hoàn trả vốn ứng	Thời hạn hoàn trả vốn ứng được gia hạn	Ghi chú
2	Khu biệt thự nhà ở thuộc Khu phức hợp Đak Đoa	358,693,000		358,693,000		358,693,000	25/11/2020	25/11/2021		
<b>III</b>	<b>Huyện Chư Pưh</b>	<b>25,000,000,000</b>	-	<b>25,000,000,000</b>		<b>25,000,000,000</b>				
1	Chợ Trung tâm và Khu dân cư thị trấn Nhơn Hòa	25,000,000,000		25,000,000,000		25,000,000,000	30/12/2016	30/12/2017	Gia hạn đến 31/12/2020	
<b>B</b>	<b>Các dự án do huyện quản lý</b>	<b>91,945,012,500</b>	<b>33,835,774,000</b>	<b>58,109,238,500</b>	<b>44,945,206,900</b>	<b>103,054,445,400</b>				
<b>I</b>	<b>Huyện Chư Sê</b>	<b>86,183,674,500</b>	<b>28,074,436,000</b>	<b>58,109,238,500</b>	-	<b>58,109,238,500</b>				
1	Bồi thường, hỗ trợ, GPMB để xây dựng công trình: Khu đô thị mới phía đông thị trấn Chư Sê (giai đoạn 1 – Bồi thường, hỗ trợ, GPMB đường Phan Đình Phùng nối đến khu đô thị, mở rộng trung tâm hành chính mới của huyện Chư Sê)	15,548,000,000	4,767,300,000	10,780,700,000		10,780,700,000	24/5/2018	24/5/2019	Gia hạn đến 31/12/2020	
2	Đường khu tái định cư khu hành chính phía đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	678,800,000	678,800,000	-		-	12/4/2019	12/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		2,767,342,000	2,767,342,000	-		-	1/8/2019	1/8/2020		
		2,159,382,000	2,027,267,000	132,115,000		132,115,000	31/12/2019	31/12/2020		
3	Đường ven hồ TDP8 đoạn Phan Đình Phùng đến đường Cách mạng tuyến dọc hai bên bờ suối nhánh phía đông thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2,632,121,000		2,632,121,000		2,632,121,000	12/4/2019	12/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		6,053,326,000		6,053,326,000		6,053,326,000	30/12/2019	30/12/2020		
4	Đường quy hoạch N10 đoạn từ đường QH D25 đến đường tránh đông, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	995,869,000		995,869,000		995,869,000	11/11/2019	11/11/2020		
		4,412,909,000		4,412,909,000		4,412,909,000	31/12/2019	31/12/2020		
5	Đường quy hoạch D25 đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	551,831,000		551,831,000		551,831,000	12/4/2019	12/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		1,079,208,000		1,079,208,000		1,079,208,000	15/11/2019	15/11/2020		
		2,829,972,000		2,829,972,000		2,829,972,000	31/12/2019	31/12/2020		
6	Đường quy hoạch D20 (sau trung tâm hành chính đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê)	617,231,000	617,231,000	-		-	12/4/2019	12/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		1,000,707,000	1,000,707,000	-		-	1/8/2019	1/8/2020		
		2,038,065,000	2,038,065,000	-		-	11/11/2019	11/11/2020		

ST T	Đơn vị	Số vốn quá hạn báo cáo tại Phiên họp ngày 03/10/2023	Số vốn đã thu hồi đến ngày 20/9/2024	Số vốn còn lại chưa thu hồi	Số quá hạn phát sinh sau phiên họp ngày 03/10/2023	Tổng số quá hạn đến ngày 20/9/2024	Thời gian ứng vốn	Thời hạn hoàn trả vốn ứng	Thời hạn hoàn trả vốn ứng được gia hạn	Ghi chú
		202,724,000	202,724,000	-	-	-	30/12/2019	30/12/2020		
7	Đường quy hoạch D22 đoạn từ đường Phan Đình Phùng đến đường QH N10, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	1,522,832,000	19,507,000	1,503,325,000		1,503,325,000	10/4/2019	10/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		3,782,205,000	-	3,782,205,000		3,782,205,000	31/12/2019	31/12/2020		
8	Đường quy hoạch D23 đoạn từ đường QH N15 đến đường QH N16, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	416,601,000	416,601,000	-		-	10/4/2019	10/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		662,329,000	662,329,000	-		-	11/11/2019	11/11/2020		
		348,776,000	194,106,000	154,670,000		154,670,000	31/12/2019	31/12/2020		
9	Đường quy hoạch N15 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	723,104,000	723,104,000	-		-	10/4/2019	10/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		517,000,000	517,000,000	-		-	1/8/2019	1/8/2020		
		422,959,000	422,959,000	-		-	15/11/2019	15/11/2020		
		739,281,000	739,281,000	-		-	31/12/2019	31/12/2020		
10	Đường quy hoạch N16 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	707,773,000	707,773,000	-		-	10/4/2019	10/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		888,724,000	888,724,000	-		-	11/11/2019	11/11/2020		
		755,042,000	755,042,000	-		-	30/12/2019	30/12/2020		
11	Đường quy hoạch N17 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	668,642,000	668,642,000	-		-	10/4/2019	10/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		1,179,865,000	1,179,865,000	-		-	1/8/2019	1/8/2020		
		380,301,000	380,301,000	-		-	31/12/2019	31/12/2020		
12	Đường quy hoạch N18 đoạn từ đường QH D22 đến đường QH D25, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	442,036,000	442,036,000	-		-	10/4/2019	10/4/2020	Gia hạn đến 31/12/2020	
		823,928,000	823,928,000	-		-	11/11/2019	11/11/2020		
		685,022,000	280,000,000	405,022,000		405,022,000	30/12/2019	30/12/2020		
13	Dự án san nền Khu trung tâm hành chính huyện Chư Sê (đợt 1)	1,504,736,000		1,504,736,000		1,504,736,000	13/8/2019	13/8/2020		
		4,331,198,000		4,331,198,000		4,331,198,000	31/12/2019	31/12/2020		
	Đường ven hồ TDP8 đoạn Phan Đình Phùng đến	3,044,963,000	30,195,000	3,014,768,000		3,014,768,000	26/5/2020	26/5/2021		

ST T	Đơn vị	Số vốn quá hạn báo cáo tại Phiên họp ngày 03/10/2023	Số vốn đã thu hồi đến ngày 20/9/2024	Số vốn còn lại chưa thu hồi	Số quá hạn phát sinh sau phiên họp ngày 03/10/2023	Tổng số quá hạn đến ngày 20/9/2024	Thời gian ứng vốn	Thời hạn hoàn trả vốn ứng	Thời hạn hoàn trả vốn ứng được gia hạn	Ghi chú
14	Đường Cách mạng tuyến dọc hai bên bờ suối nhánh phía Tây thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	2,724,535,000	2,724,535,000	-	-	-	26/5/2020	26/5/2021		
		310,908,000		310,908,000		310,908,000	22/12/2020	22/12/2021		
15	Khu dân cư xã Dun và xã Ia Pal	8,455,635,000	1,399,072,000	7,056,563,000		7,056,563,000	20/07/2020	20/07/2021		
16	Đường Phan Đình Phùng kéo dài đến đường liên xã xã Dun	6,577,792,500	-	6,577,792,500		6,577,792,500	20/07/2020	20/07/2021		
<b>II</b>	<b>Huyện Chư Pưh</b>	<b>5,761,338,000</b>	<b>5,761,338,000</b>	-	-	-				
1	ĐT XD trụ sở thị trấn Nhơn Hòa, Công an thị trấn và Khu dân cư xung quanh	5,761,338,000	5,761,338,000	-	-	-	26/08/2021	26/08/2022		
<b>III</b>	<b>Huyện Ia Grai</b>	-	-	-	<b>8,733,554,000</b>	<b>8,733,554,000</b>				
1	Nâng cấp mở rộng đường Võ Thị Sáu, Lý Thái Tổ, Trần Phú nối dài				2,000,000,000	2,000,000,000	2/6/2022	31/12/2022	31/12/2023	
2	Đầu tư hạ tầng khu dân cư đất Công ty cao su Chư Păh				2,098,723,000	2,098,723,000	24/05/2023	24/5/2024		
					2,438,156,000	2,438,156,000	15/9/2023	15/9/2024		
3	Đầu tư hạ tầng khu dân cư đất Ban quản lý rừng phòng hộ Ia Grai				1,025,769,000	1,025,769,000	24/05/2023	24/5/2024		
					1,170,906,000	1,170,906,000	15/9/2023	15/9/2024		
<b>IV</b>	<b>Huyện Mang Yang</b>	-	-	-	<b>15,937,698,900</b>	<b>15,937,698,900</b>				
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng giao thông Khu dân cư thuộc khu quy hoạch trung tâm xã Đak Djrăng				959,010,000	959,010,000	17/12/2021	17/12/2022	31/12/2023	
					3,628,297,800	3,628,297,800	17/12/2021	17/12/2022	31/12/2023	
					304,391,100	304,391,100	31/12/2021	31/12/2022	31/12/2023	
					3,131,419,500	3,131,419,500	27/6/2022	27/6/2023	31/12/2023	
					5,383,687,000	5,383,687,000	13/12/2022	13/12/2023		

ST T	Đơn vị	Số vốn quá hạn báo cáo tại Phiên họp ngày 03/10/2023	Số vốn đã thu hồi đến ngày 20/9/2024	Số vốn còn lại chưa thu hồi	Số quá hạn phát sinh sau phiên họp ngày 03/10/2023	Tổng số quá hạn đến ngày 20/9/2024	Thời gian ứng vốn	Thời hạn hoàn trả vốn ứng	Thời hạn hoàn trả vốn ứng được gia hạn	Ghi chú
					2,530,893,500	2,530,893,500	26/12/2022	26/12/2023		
<b>V</b>	<b>Huyện Đức Cơ</b>	-	-	-	<b>5,500,000,000</b>	<b>5,500,000,000</b>				
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Chí Thanh thị trấn Chư Ty				5,500,000,000	5,500,000,000	20/7/2023	20/7/2024		
<b>VI</b>	<b>Thị xã An Khê</b>	-	-	-	<b>14,773,954,000</b>	<b>14,773,954,000</b>				
1	Cụm công nghiệp An Khê				14,773,954,000	14,773,954,000	24/12/2021	24/12/2022	31/12/2023	
<b>Tổng cộng</b>		<b>144,370,398,252</b>	<b>33,835,774,000</b>	<b>110,534,624,252</b>	<b>70,508,711,900</b>	<b>181,043,336,152</b>				